TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DS–ST

Ngày 17-8-2023

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Ánh Nguyệt– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST– DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vày tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160A/2023/QĐST–DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1952; Địa chỉ: ấp XTI, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Địa chỉ: ấp XTI, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là con của bà Đ, vào ngày 25/7/2023 chị có nhận uỷ quyền của của bà Đ để tham gia tố tụng về việc tranh chấp tiền hụi, tiền vay giữa bà Đ với và Q. Chị nghỉ số tiền 148.750.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng mà bà Q nhờ chị vay dùm nên chị tham gia tố tụng để trình bày cho rõ. Việc chơi hụi giữa bà

Đ với Q như thế nào chị không rõ nên chị không trình bày được, tại phiên toà có bà Đ tham gia nên chị đề nghị chấm dứt uỷ quyền với bà Đ, tất cả sự việc là của Đ nên bà Đ sẽ trình bày rõ ràng hơn.

Tại phiên toà bà Đ trình bày: Bà đồng ý chấm dứt uỷ quyền với chị Hằng, do chị Hằng không biết việc chơi hụi giữa bà với bà Q.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Trước đây bà làm chủ hụi, bà Q có tham gia các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ 1: mở vào ngày 24/9/2021 (nhằm ngày 29/8/2021 âm lịch). Dây hụi này có16 hụi viên, mỗi phần 2.000.000 đồng. Bà Q tham gia 05 phần, bà Q hốt 02 phần mỗi phần 30.000.000 đồng trừ 1.000.000 đồng cho chủ hụi, mỗi phần còn lại 29.000.000 đồng. Như vậy, bà Q phải đóng hụi chết cho bà 02 phần hụi chết, 03 phần hụi sống. Mỗi phần hụi bà Q còn nợ bà 22.000.000 đồng x 3 phần = 66.000.000 đồng. Còn 3 phần hụi sống bà Q yêu cầu hốt tiếp, mỗi phần 30 triệu đồng, cho đầu thảo 1 triệu đồng, trừ lại 7.000.000 đồng phần hụi chết. Như vậy bà Q còn nợ bà 22.000.000 đồng nhưng bà Q không đồng ý, bà Q nói đóng rồi, nên bà Đ chưa cho bà Q hốt. Dây hụi này bà không yêu cầu giải quyết.

- Dây hụi thứ hai: mở vào ngày 26/3/2022 (nhằm ngày 24/02/2022 âm lịch). Dây hụi này có 22 hụi viên. Mỗi phần 1.000.000 đồng. Bà Q tham gia 5 phần. Bốn tháng sau bà Q hốt 3 phần mỗi phần hốt là 21 triệu đồng, tổng 3 phần là 63.000.000 đồng, bà Q có đóng lại 04 tháng là 18.000.000 đồng, đóng lại 05 tháng là 17.000.000 đồng, đóng lại 06 tháng là 16.000.000 đồng. Tổng cộng 51.000.000 đồng + đầu thảo 1.500.000 đồng = 52.500.000 đồng. Còn 02 phầu hụi sống thì bà Q không đóng hụi cho bà.

- Vào ngày 29/02/2022 âm lịch bà Q nhờ bà vay bưu điện 15 triệu đồng, mỗi tháng bà Q phải đưa tiền cho bà 1.250.000 đồng để đóng lãi, đóng trong vòng 25 tháng nhưng bà Q đóng 04 tháng còn lại 21 tháng. Số tiền vốn bà Q nợ bà là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 1.250.000đồng/tháng x 21 tháng = 26.250.000 đồng. Tổng cộng là 41.250.000 đồng.

- Bà có tham gia lãnh cho bà Q tham gia hụi do chị Nguyễn Ngọc H là chủ hụi, chị Hân là con của bà N. Do bà Q chơi hụi nhưng chị Hân không cho chơi nên bà N bảo lãnh cho bà Đ, bà Đ bảo lãnh cho bà Q. Nhưng thực tế hụi là bà trực tiếp chơi với chị Hân, gồm 01 phần hụi 2.000.000 đồng, có 20 hụi viên,

bà Q tham gia 02 phần, mới mở dây hụi bà Q đã hốt. Bà Đ hốt hụi 39.000.000 đồng, bà giao hết tiền hụi cho bà Q nhưng bà Q không góp hụi nên bà phải đóng hụi thay cho bà Q.

- Ngoài ra bà có nhiều lần vay, mượn tiền của nhiều người để góp hụi cho thay bà Q 16.000.000 đồng nhưng bà không nhớ dây hụi nào nên bà không trình bày cụ thể, đến nay bà Q chưa trả cho bà 16.000.000 đồng.

Việc chơi hụi giữa bà với bà Đ lúc đầu các bên không có làm giấy tờ gì, khi bà khởi kiện bà Q thì bà có lập danh sách nhờ các hụi viên chơi cùng dây hụi với bà Q ký tên, các danh sách hụi bà đã giao nộp cho Toà án. Việc bà Q nhờ bà vay tiền thì các bên cũng không có giấy tờ nên bà không giao nộp chứng cứ gì để chứng minh.

Tổng cộng bà Q nợ bà là 148.750.000 đồng, gồm tiền hụi là 107.500.000 đồng, tiền vay là 41.250.000 đồng. Bà yêu cầu bà Q phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 148.750.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023 và trong quá trình tố tụng tại Toà án bà Trần Thí Q trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi với bà Đ như sau:

- Ngày 29/01/2021 bà có chơi hụi với bà Đ, do bà Đ làm chủ hụi. Hụi khui ngày 29/01/2021 có 17 người tham gia, một phần hụi là 2.000.000 đồng; bà tham gia 10 phần; hụi khui hàng tháng; bà kêu hốt 02 phần; bà Đ mượn 03 phần, bà Đ kêu hốt nhưng không góp hụi lại, bà phải đóng hụi thay cho bà Đ; còn lại 05 phần. Sau khi hốt hụi bà góp hụi đầy đủ cho bà Đ nhưng bà Đ không giao tiền hụi cho bà. Hiện dây hụi này đã mãng nhưng bà Đ vẫn chưa giao tiền cho bà.

- Ngày 24/04/2021 bà có chơi hụi với bà Đ do bà Đ làm chủ hụi, hụi khui ngày 24/04/2021, có 21 người tham gia; hụi 1.000.000 đồng/phần; bà tham gia 5 phần; bà kêu hốt 03 phần; còn lại 02 phần sống. Dây hụi này bà đã đóng đầy đủ cho bà Đ và hiện nay đã mãng nhưng đến nay bà Đ vẫn chưa giao tiền hụi cho bà.

Việc chơi hụi giữa bà với bà Đ không có lập biên bản hay làm giấy tờ gì. Danh sách hụi là do bà Đ tự lập, bà Đ tự ghi tên người này người kia chứ bà không biết ai tham gia dây hụi với bà, bà Đ cũng không giao giấy hụi cho bà. Bà thừa nhận việc chơi hụi giữa bà với bà Đ không thực hiện theo đúng quy định.

Bà không có ký tên vào các giấy tờ hụi do bà Đ cung cấp, bà hoàn toàn không có vay tiền của bà Đ.

Bà hoàn toàn không có tham gia các dây hụi như bà Đ trình bày, bà chỉ tham gia các 02 dây hụi như bà trình bày nêu trên. Hiện 02 dây hụi đó bà Đ vẫn còn nợ tiền của bà chứ bà không nợ tiền bà Đ. Cách nay khoảng 02 tháng bà có khởi kiện bà Đ vay của bà 70.000.000 đồng nhưng không trả nên bà khởi kiện bà Đ, Toà án đã giải quyết xong hiện tôi đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Bà không đồng ý với các chứng cứ do bà Đ cung cấp do bà không có ký tên, bà không tham gia chung dây hụi với bà N, bà Y và bà L.

Do bà không có tham gia các dây hụi như bà Đ trình bày nên bà không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của bà Đ, bà không đồng ý giao trả tiền hụi và tiền vay theo yêu cầu của bà Đ. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết 02 dây hụi nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ về việc buộc bà Trần Thị Q trả cho bà Đ số tiền 148.750.000 đồng, gồm: tiền nợ hụi là 107.500.000 đồng; tiền nợ vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 26.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi; hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Thị Q cư trú tại tại ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

- Theo bà Phạm Thị Đ: Do bà Q nhiều lần chơi hụi với bà, kêu hốt hụi xong nhưng không góp hụi lại cho bà. Và nhờ bà bảo lãnh chơi hụi với bà N và nhờ bà đứng ra vay tiền nhưng bà Q không đưa tiền cho bà góp hụi cũng không trả tiền vốn vay, nợ lãi cho bà. Do đó, bà yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 148.750.000 đồng, trong đó: tiền hụi là 107.500.000 đồng, tiền vay là 41.250.000 đồng.

- Theo bà Q: Bà không có tham gia các dây hụi, không có nhờ bà Đ bảo lãnh để chơi hụi với bà N, không có nhờ bà Đ đứng ra vay tiền dùm bà nên bà không đồng ý giao trả số tiền 148.750.000 đồng theo yêu cầu của bà Đ.

[4] Xét yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Đ số tiền là 148.750.000 đồng. Chứng cứ để bà Đ chứng minh bà Q có nợ tiền hụi bà Đ là: Tờ làm chứng của bà Trần Thị N ngày; Tờ làm chứng của bà Hồ Thị Y và Nguyễn Thuý L; 01 tờ Khởi sự ngày 29/2 âm lịch năm 2022; hụi ngày 29 tháng 8 năm 2021; hụi 1 tiệu tháng 2 năm 2022.

Xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà Đ biết để bà Đ cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà Q có nợ tiền hụi, tiền vay của bà là 148.750.000 đồng nhưng bà Đ không cung cấp được. Đối với chứng cứ do bà Đ cung cấp chỉ thể hiện là bà Q có tham gia chơi hụi cùng với bà Nguyễn Thị L và bà Hồ Thị Y, bà Trần Thị N với bà Đ nhưng bà Q không ký tên vào các giấy hụi do bà Đ cung cấp. Tại phiên toà bà Đ thừa nhận các giấy hụi như: 01 tờ Khởi sự ngày 29/2 âm lịch năm 2022; hụi ngày 29 tháng 8 năm 2021; hụi 1 tiệu tháng 2 năm 2022 là do bà lập khi bà khởi kiện bà Q. Trong quá trình tố tụng bà Q không thừa nhận những chứng cứ, giấy tờ do bà Đ cung cấp do bà Q không có tham gia những dây hụi đó và cũng không có nhờ bà Đ vay tiền. Như vậy, bà Đ làm chủ hụi mà không thực hiện đúng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên việc Đ yêu cầu bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ tiền hụi là 107.500.000 đồng, tiền vay là 41.250.000 đồng là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Do bà Đ không yêu cầu giải quyết dây hụi mở vào ngày 24/9/2021 (nhằm ngày 29/8/2021 âm lịch) nên không xem xét giải quyết.

[6] Do bà Q không yêu cầu giải quyết tiền hụi giữa bà với Đ đối với các phần hụi ngày 29/01/2021 và 24/4/2021 nên không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu bà Trần Thị Q giao trả cho bà Đ số tiền là 148.750.000 đồng, trong đó: tiền hụi là 107.500.000 đồng, tiền vay là 41.250.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Phạm Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.